

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2022/DS-ST

Ngày 14/4/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Nguyệt Ánh và bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thông - Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2021/TLST- DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST- DS ngày 28 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1965, địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1987 và chị Văn Thị Thu T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố 8, phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Nhật N, sinh năm 1994, địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 25 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 06/5/2020, vợ chồng chị Văn Thị Thu T1

và anh Nguyễn Nhật T vay mượn của bà Trần Thị H số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), với hình thức trả nợ là trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng trong thời hạn 110 ngày, kể từ ngày vay mượn tiền. Ngày 15/5/2020, vợ chồng anh Nguyễn Nhật T chị Văn Thị Thu T1 đã vay mượn thêm của bà Trần Thị H số tiền 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*), với thời hạn 15 ngày kể từ ngày vay mượn. Quá hạn trả nợ, bà Trần Thị H nhiều lần đến đòi nợ thì vợ chồng chị Văn Thị Thu T1 và anh

Nguyễn Nhật T cứ hẹn mãi mà không trả nên bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 phải trả nợ cho bà số tiền là 480.000.000 đồng (*bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Quá trình vay mượn, phía bị đơn anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 không thực hiện việc trả góp 2.000.000đồng/ngày như đã cam kết. Vào ngày 21/5/2020, anh Nguyễn Nhật T có trả cho bà được 20.000.000 đồng tiền mặt và anh Thiên có giao một chiếc xe mô tô SH màu đen, BKS 74E1-05135 với giá 60.000.000đồng. Tổng trị giá xe và tiền mà anh Thiên đã giao cho bà H là 80.000.000đồng. Số tiền này khi khởi kiện bà H tự ý trừ vào khoản tiền lãi mà anh Thiên chị T1 không trả cho bà, nay bà H khấu trừ số tiền đó vào khoản nợ gốc. Bà yêu cầu anh Thiên chị T1 trả cho bà số tiền gốc là 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi của số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất 10% /năm tính từ ngày 30/5/2020 cho đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là 685 ngày với số tiền lãi 76.111.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 10/11/2021 và ngày 12/11/2021, bị đơn anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 trình bày:

Anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 xác nhận có vay mượn của bà Trần Thị H với số tiền lần lượt là 200.000.000 đồng và 280.000.000 đồng. Sau thời gian vay mượn, vợ chồng có trả cho bà H những khoản sau:

- Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 18/5/2020 có trả cho bà H số tiền 2.000.000 đồng/ngày, tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

- Ngày 21/5/2020, anh Nguyễn Nhật T có trả cho bà H 20.000.000 đồng và giao một chiếc xe SH mang biển kiểm sát 74E1- 05135, trị giá 60.000.000 đồng. Tổng cộng trả cho bà H số tiền 80.000.000 đồng.

- Ngày 25/5/2020, anh Nguyễn Nhật T có đưa cho bà H 01pho tượng bằng gỗ nhỏ, 03 pho tượng bằng gỗ lớn, 01 đồng hồ bằng gỗ lớn, tổng trị giá 35.000.000 đồng.

- Ngày 14/9/2020, chị Văn Thị Thu T1 chuyển khoản cho anh Ngô Nhật N (con bà H) số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà vợ chồng anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 đã trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền là 163.000.0000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Nhật N, trình bày: Việc vay mượn tiền giữa mẹ anh là bà Trần Thị H với anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 như thế nào thì anh không biết. Chị n và anh Thiên có nợ riêng tiền của anh nên ngày 14/9/2020, chị Văn Thị Thu T1, anh Nguyễn Nhật T có chuyển khoản trả nợ riêng cho anh số tiền 30.000.000 đồng, khoản tiền này không liên quan đến khoản nợ của bà Trần Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Nhật T và bà Văn Thị Thu T1 phải trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc, tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/4/2022).

Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Trần Thị H; địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, thị xã Q, khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1; trú tại khu phố 8, phường 3, thị xã Q trả nợ khoản tiền vay; đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Q đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Các đương sự là bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

- Về khoản tiền nợ gốc:

Ngày 06/5/2020, vợ chồng chị Văn Thị Thu T1 và anh Nguyễn Nhật T vay mượn của bà Trần Thị H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), với hình thức trả nợ là trả góp 2.000.000 đồng/ngày, trong thời hạn 110 ngày, kể từ ngày vay mượn tiền (BL số 03). Ngày 15/5/2020, vợ chồng anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 có vay mượn của bà Trần Thị H số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), với thời hạn 15 ngày sẽ trả lại số tiền trên (BL số 02). Tổng cộng 2 lần vay mượn tiền là 480.000.000 đồng. Phía bị đơn anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 cũng xác nhận có vay mượn của bà Trần Thị H với số tiền lần lượt là 200.000.000 đồng và 280.000.000 đồng; tổng cộng là 480.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền ngày 06/5/2020 và ngày 15/5/2020 là do hai bên tự lập, thỏa thuận có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh Thiên chị T1 có văn bản (BL số 15,16,17) nại ra rằng anh Thiên chị T1 đã có trả cho bà H những khoản sau:

Ngày 21/5/2020, anh Nguyễn Nhật T có trả cho bà H 20.000.000 đồng và giao một chiếc xe SH mang biển kiểm soát 74E1- 05135, trị giá 60.000.000 đồng. Tổng cộng trả cho bà H số tiền 80.000.000 đồng (BL số 15).

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 18/5/2020 có trả cho bà H số tiền 2.000.000 đồng/ngày, tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

Ngày 25/5/2020, anh Nguyễn Nhật Thiên có đưa cho bà H 01 pho tượng bằng gỗ nhỏ, 03 pho tượng bằng gỗ lớn, 01 đồng hồ bằng gỗ lớn, tổng trị giá 35.000.000 đồng.

Ngày 14/9/2020, chị Văn Thị Thu T1 chuyển khoản cho anh Ngô Nhật N (con bà H) số tiền 30.000.000 đồng để trả nợ cho bà H. Tổng cộng số tiền mà bị đơn nại ra đã trả cho nguyên đơn là 163.000.000 đồng.

Phía nguyên đơn bà Trần Thị H thừa nhận: Vào ngày 21/5/2020, anh Nguyễn Nhật T có trả cho bà được 20.000.000 đồng tiền mặt và anh Thiên có giao một chiếc xe mô tô SH màu đen, BKS 74E1-05135 với giá 60.000.000 đồng. Tổng trị giá xe và tiền mà anh Thiên đã giao cho bà H là 80.000.000 đồng. Số tiền này khi khởi kiện bà H tự ý trừ vào khoản tiền lãi mà anh Thiên chị T1 không trả cho bà, nay bà H đồng ý trừ số tiền đó vào khoản nợ gốc. Bà H yêu cầu anh Thiên, chị T1 trả cho bà số tiền gốc là 400.000.000 đồng. Bà Trần Thị H cho rằng anh Thiên, chị Thủy không hề trả góp như cam kết và bà cũng không thừa nhận anh Thiên giao cho bà các tượng gỗ để cản trừ nợ như bị đơn nại ra; Việc chị Thủy chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho con trai bà là anh Ngô Nhật N như thế nào thì bà không rõ, không có việc chuyển trả nợ cho bà.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các khoản anh Thiên chi T1 nài ra trả góp từ ngày 07/5/2020 đến ngày 18/5/2020 có trả cho bà H số tiền 2.000.000 đồng/ngày, tổng số tiền trả góp là 18.000.000 đồng; Ngày 25/5/2020, anh Nguyễn Nhật Thiện có đưa cho bà H 01 pho tượng bằng gỗ nhỏ, 03 pho tượng bằng gỗ lớn, 01 đồng hồ bằng gỗ lớn, tổng trị giá 35.000.000 đồng. Ngày 14/9/2020, chị Văn Thị Thu T1 chuyển khoản cho anh Ngô Nhật N (con bà H) số tiền 30.000.000 đồng để trả nợ cho bà H; các khoản bị đơn nài ra này phía nguyên đơn bà Trần Thị H không thừa nhận. Anh Ngô Nhật N công nhận ngày 14/9/2020, bà Thủy có chuyển khoản cho anh số tiền 30.000.000 đồng nhưng khoản tiền này bà Thủy trả nợ riêng cho anh; khoản tiền này không liên quan đến khoản nợ của bà Trần Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không đến Tòa án cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có trả góp 18.000.000 đồng, giao các pho tượng gỗ cần trừ nợ 35.000.000 đồng và khoản tiền 30.000.000 đồng chuyển cho anh Ngô Nhật N để trả nợ cho bà Trần Thị H nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

Khoản tiền 80.000.000 đồng là tổng trị giá xe (xe mô tô SH màu đen, BKS 74E1- 05135 với giá 60.000.000 đồng) và 20.000.000 đồng tiền mặt anh Thiên trả cho bà H vào ngày 21/5/2020, bà H thừa nhận và đồng ý trừ vào tiền nợ gốc, việc bà Hoà cần trừ khoản 80.000.000 đồng vào khoản nợ gốc là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Như vậy khoản nợ gốc anh Thiên, chị T1 nợ bà H tính đến ngày 21/5/2020 là 400.000.000 đồng. Phía bị đơn không thực hiện việc trả góp theo thỏa thuận khoản nợ vay ngày 06/5/2020 của số tiền vay 200.000.000 đồng và từ ngày 30/5/2020, phía bị đơn cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản tiền vay vào ngày 15/5/2020, mặc dù phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả hết số tiền còn lại; bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn chị Văn Thị Thu T1 và anh Nguyễn Nhật T chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn bà Trần Thị H số tiền gốc còn lại là 400.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận (*Căn cứ Điều 351, 463, 466 của Bộ luật dân sự*).

- Về khoản tiền lãi:

Tại giấy vay tiền đề ngày 6/5/2020 và ngày 15/5/2020, giữa nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn anh Nguyễn Nhật T, chị Văn Thị Thu T1 không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất. Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi suất 10% năm, tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/4/2022) thời gian 685 ngày là 76.111.000 đồng. $\{400.000.000 \text{ đồng} \times [(10\%:12 \text{ tháng}): 30 \text{ ngày}] \times 685 \text{ ngày}\}$.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù tại giấy vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hiện có tính lãi suất; tuy nhiên, phía bị đơn không thực hiện việc trả nợ theo cam kết do đó việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền vay khi hết thời hạn trả nợ với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày xét xử sơ

thẩm (14/4/2022) số tiền lãi 76.111.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận (Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự).

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H buộc bị đơn anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 phải thanh toán tổng số tiền là: 476.111.000 đồng, trong đó: nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/4/2022) là 76.111.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Nhật T và bà Văn Thị Thu T1 phải chi án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H; buộc anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 phải trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền là: 476.111.000 đồng, trong đó: nợ gốc 400.000.000 đồng và 76.111.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 30/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/4/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Nhật T và chị Văn Thị Thu T1 phải chịu 23.044 000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền nộp tạm ứng án phí 11.600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000013 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Loan Võ Thị Nguyệt Ánh

Mai Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu Hà